



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

Quy Nhơn, tháng 03 năm 2013

MỤC LỤC

DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ	1
I. NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU	4
II. BÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013	7
1. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2012	7
2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013	10
III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013	16
1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012	16
2. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012	35
3. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013	36
V. BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2013	37
1. BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS NĂM 2012	37
2. KẾ HOẠCH LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS NĂM 2013	37
VI. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN	38
1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012	38
2. TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN NĂM 2013	40
VII. TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY	41

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
NGÀY 02/4/2013

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
13:00 – 14:00	Đón tiếp Đại biểu và Quý cổ đông	
14:00 – 14:10	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thông báo một số nội quy Đại hội	
14:10 – 14:15	Báo cáo của Tổ kiểm tra tư cách cổ đông	
14:15 – 14:20	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội	
14:20 – 14:30	Khai mạc Đại hội Thông qua Chương trình nghị sự Đại hội Thông qua Danh sách Tổ kiểm phiếu	
14:30 – 14:40	Báo cáo của Giám đốc về hoạt động kinh doanh năm 2012 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013	
14:40 – 14:50	Báo cáo của Hội đồng quản trị	
14:50 – 15:00	Báo cáo tài chính năm 2012 - Phương án Phân phối lợi nhuận 2012 và Kế hoạch Phân phối lợi nhuận 2013	
15:00 – 15:10	Báo cáo lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của HĐQT và BKS năm 2012. Kế hoạch lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của HĐQT và BKS năm 2013.	
15:10 – 15:20	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2012 và Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2013	
15:20 – 15:30	Tờ trình về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty	
15:30 – 15:45	Giải lao	
15:45 – 15:50	Tổ kiểm phiếu phổ biến cách thức biểu quyết	
15:50 – 16:30	Thảo luận, trả lời chất vấn	
16:30 – 16:35	Phát biểu của Lãnh đạo Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	
16:35 – 16:45	Thu phiếu biểu quyết, kiểm phiếu, tổng hợp và công bố kết quả kiểm phiếu	
16:45 – 16:50	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
16:50 – 16:55	Kết luận và cảm ơn Đại hội	
16:55 – 17:00	Bế mạc Đại hội	

PHẦN I

NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tuân thủ pháp luật.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức cuộc họp an toàn, trật tự và vì lợi ích tổng thể.

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các Cổ đông đến tham dự Đại hội có trang phục nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách Đại biểu dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết, phiếu bầu cho Cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
5. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

Sau khi Tổ kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra, xác định số lượng Cổ đông có mặt và thỏa mãn các điều kiện để tổ chức, Đại hội sẽ được khai mạc và Đoàn Chủ tịch điều khiển phiên họp.

1. Thông báo nội quy, giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký.
2. Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Tổ kiểm phiếu.
ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.
3. Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.
 - Báo cáo của Giám đốc về hoạt động kinh doanh năm 2012 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo tài chính năm 2012; Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2012 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013;
 - Báo cáo thù lao, lương, thưởng năm 2012 của HĐQT và BKS; Kế hoạch thù lao, lương, thưởng năm 2013 của HĐQT và BKS;
 - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2012 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2013;
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

4. Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi Ban Lãnh đạo Công ty báo cáo Đại hội các nội dung phiên họp, Đoàn Chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành tập trung sau khi Đoàn Chủ tịch lần lượt báo cáo xong các nội dung của Đại hội;
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại Đại hội cần điền nội dung câu hỏi vào Phiếu ý kiến (*do Ban tổ chức Đại hội cung cấp*), gửi cho Tổ thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn Chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu Đại hội được Công ty đăng tải trên website www.pce.vn, đề nghị Cổ đông nghiên cứu trước, chuẩn bị câu hỏi và gửi trước cho Ban tổ chức Đại hội;
- Đoàn Chủ tịch chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều Cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân Cổ đông;
- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, sẽ được Tổ thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty;
- Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả Cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi Cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó nộp lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức Đại hội.

3. Thời điểm biểu quyết:

Ngay sau khi kết thúc phần thảo luận, các Cổ đông nộp Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong quá trình diễn ra Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình diễn ra Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các Cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của Cổ đông trình Đoàn Chủ tịch.
3. Soạn thảo biên bản ĐHĐCĐ và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU

1. Phổ biến thể lệ và nguyên tắc biểu quyết.
2. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.
4. Nhanh chóng thông báo cho Tổ Thư ký kết quả biểu quyết và bầu cử.

Trên đây là toàn bộ Nội quy Đại hội và thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Đức Hòa

PHẦN II

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012

Năm 2012 là năm mà tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, cũng là năm thị trường ure bắt đầu chuyển từ cung không đủ cầu sang vượt cầu. Bên cạnh đó, những ảnh hưởng của tình hình biến đổi khí hậu đã tác động tiêu cực đến mùa vụ và hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Giá nông sản luôn ở mức thấp và chi phí hoạt động kinh doanh ngày càng tăng cao... đã tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Đứng trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBNV, Công ty đã tận dụng được những yếu tố thuận lợi để khắc phục khó khăn. Ngoài những lợi thế như chất lượng và thương hiệu sản phẩm, ý chí đoàn kết của tập thể lãnh đạo và CBNV và đặc biệt là sự quan tâm sâu sát và hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty cũng luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước và sự hợp tác tốt đẹp, hiệu quả của các đối tác, khách hàng. Năm 2012, Công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với lợi nhuận đạt 126,82% kế hoạch năm (Chi tiết Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2012 đính kèm).

Bên cạnh đó, ngoài việc kinh doanh, phân phối ure Phú Mỹ, Công ty đã tích cực khai thác, kinh doanh các sản phẩm phân bón khác với mục đích đa dạng sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận được với hầu hết các đối tượng kinh doanh, phân phối phân bón trong khu vực, đồng thời đáp ứng nhu cầu của bà con nông dân. Tháng 5/2012, Công ty đã phối hợp cùng Tổng Công ty đưa ra thị trường khu vực Tây Nguyên dòng sản phẩm mới - phân bón hỗn hợp NPK Phú Mỹ 16-7-17+Bo+Te, bước đầu nhận được sự phản hồi tích cực từ phía các cửa hàng và người sử dụng. Hiện, Công ty đang tiếp tục phối hợp với Tổng Công ty nghiên cứu dòng sản phẩm NPK mùa khô để đáp ứng nhu cầu thị trường.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Trong năm 2012, Công ty đã bám sát thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra và đạt được những kết quả cụ thể như sau:

1.1 Chỉ tiêu về sản lượng kinh doanh:

- Sản lượng tiêu thụ: 276.219 tấn, đạt 97,33% KH năm, tăng 6,18% so với năm 2011.

1.2 Các chỉ tiêu về tài chính:

- Doanh thu: 2.444,50 tỷ đồng, đạt 96,41% KH năm, tăng 10,96% so với năm 2011;
- LN trước thuế: 53,27 tỷ đồng, đạt 126,82% KH năm, tăng 26,94% so với 2011;
- LN sau thuế: 43,65 tỷ đồng, đạt 138,57% KH năm, tăng 38,70% so với 2011;
- Nộp NSNN 26,01 tỷ đồng, đạt 247,73% KH năm, tăng 42,96% so với năm 2011;
- Năm 2012, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến **17%/năm**, tăng **3%** so với kế hoạch.

2. Các kết quả đạt được trong năm 2012:

Bên cạnh việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch như trên, các hoạt động khác cũng được Công ty đặc biệt chú trọng:

2.1 Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc toàn diện về tổ chức, bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nhân lực. Đồng thời, Công ty đã đăng ký chứng nhận là Công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản số 1718/UBCK-QLPH ngày 24/5/2012 và đăng ký giữ mã chứng khoán là PCE.

2.2 Xây dựng chiến lược phát triển:

Căn cứ chiến lược phát triển của Tổng Công ty, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2025 đã được Tổng Công ty thông qua tại Nghị quyết số 374/NQ-PBHC ngày 26/10/2011;

Hiện nay, tình hình thị trường phân bón có nhiều thay đổi, cung vượt cầu, thị trường cạnh tranh cao, để phù hợp với tình hình kinh doanh trong giai đoạn mới, Công ty đang tiến hành cập nhật, bổ sung lại chiến lược phát triển Công ty.

2.3 Về hệ thống phân phối

Tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới phân phối phân bón tại khu vực, đến nay Công ty đã xây dựng 02 Chi nhánh (*Quảng Nam, DakLak*) và các Đại lý/ Cửa hàng trực thuộc hệ thống (*bao phủ 11 tỉnh khu vực Miền Trung và Tây Nguyên*) nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh, phân phối của Công ty và kịp thời phục vụ nhu cầu của bà con nông dân.

2.4 Về đầu tư xây dựng cơ bản:

Trong năm 2012, Công ty được giao kế hoạch đầu tư hệ thống kho, văn phòng làm việc với tổng mức đầu tư là 35,05 tỷ đồng (*bao gồm: DakLak, kho Phú Yên, Quảng Trị và dự án xây dựng Nhà làm việc, nhà để xe CBNV và cải tạo nội thất văn phòng làm việc tại Quy Nhơn*) cụ thể như sau:

- Ngày 20/12/2012, Công ty đã hoàn tất việc đầu tư và đưa vào sử dụng dự án kho DakLak (*bổ sung*) tại Km16, QL14, xã CuorĐăng, huyện CưM'gar, tỉnh DakLak;
- Dự án kho tại Phú Yên và Quảng Trị đang tạm dừng triển khai do Công ty đang tiến hành rà soát, đánh giá lại hiệu quả và nhu cầu sử dụng thực tế nhằm phù hợp với tình hình mới trong giai đoạn hiện nay;
- Dự án xây dựng Nhà làm việc, nhà để xe CBNV và cải tạo nội thất văn phòng làm việc đã tạm dừng triển khai do UBND tỉnh Bình Định có chủ trương di dời cụm công nghiệp Nhơn Bình ra khỏi thành phố Quy Nhơn để quy hoạch khu dân cư (*tại văn bản số 3660/UBND-KTN ngày 26/9/2012*).

2.5 Công tác tài chính và quản lý vốn:

- Luôn được chú trọng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động của Công ty, từng bước triển khai phương án quản lý dòng tiền hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư;
- Tổ chức hệ thống kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán; áp dụng và thực hiện hạch toán kế toán trên phần mềm ERP;

- Hệ thống sổ sách kế toán được mở đầy đủ theo quy định, chứng từ kế toán được lập, kiểm soát, ký nhận và lưu trữ đầy đủ, rõ ràng theo đúng các quy định hiện hành;
- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán;
- Lập báo cáo tài chính đầy đủ, đúng hạn, đúng mẫu, đảm bảo nội dung theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2.6 Công tác nhân sự, đào tạo nguồn nhân lực:

- Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2012: 50 người, tăng 2 người so với thời điểm 01/01/2012;
- Tiền lương bình quân năm 2012 là 20,5 triệu đồng/người/tháng bằng 114 % KH;
- Trong năm 2012, Công ty đã đào tạo 394 lượt người (*Đào tạo trong nước: 391 lượt người trong đó có 176 lượt người đào tạo nội bộ; Đào tạo ngoài nước: 03 lượt người*) với tổng chi phí là 628 triệu đồng, bình quân 12,5 triệu đồng/người/năm.

2.7 Công tác thực hành tiết kiệm:

Công ty đã triển khai sâu rộng trên mọi mặt hoạt động, kết quả tiết kiệm 3,82 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch năm.

2.8 Công tác cải cách hành chính:

Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo quyết liệt và thường xuyên giám sát công tác cải cách hành chính phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty, cụ thể:

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi chức năng nhiệm vụ, xây dựng bản mô tả chức danh công việc phù hợp với từng vị trí, chuyên môn nghiệp vụ của CBNV Công ty;
- Công ty đã xây dựng, sửa đổi, ban hành lại các quy chế, quy định và quy trình tác nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế và thuận lợi trong việc thực hiện;
- Duy trì thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và áp dụng hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp (*ERP*) đến các Phòng, Chi nhánh, đơn vị trong Công ty.

2.9 Các công tác khác

Ngoài nhiệm vụ kinh doanh, Công ty còn triển khai tốt các chương trình hành động khác:

- Tổ chức thực hiện mô hình và chương trình hội thảo “Cánh đồng mẫu lớn”; Triển khai chương trình Bảo hiểm An Nông Việt cho người nông dân mua và sử dụng Đạm Phú Mỹ tại 02 tỉnh Quảng Trị, Phú Yên;
- Công ty đã triển khai nhiều chương trình an sinh xã hội thiết thực như trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó; thăm và tặng quà Trung tâm bảo trợ xã hội Bình Định; các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách khó khăn, chương trình tết vì người nghèo;
- Bên cạnh đó, Công ty đã trích 48,5 triệu đồng từ “Quỹ tương thân tương ái” do CBNV đóng góp hỗ trợ cho các gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

1. Mục tiêu năm 2013

Năm 2013 được dự báo vẫn sẽ là một năm tiếp tục khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và thị trường phân bón nói riêng. Với chiến lược tiếp tục xây dựng nền tảng vững chắc để phát triển ổn định và bền vững, duy trì vị thế là doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón hàng đầu khu vực Miền Trung - Tây nguyên, Công ty đề ra 05 mục tiêu phấn đấu như sau:

- Tiếp tục củng cố và phát triển thương hiệu sản phẩm Đạm Phú Mỹ là thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường;
- Duy trì 70% thị phần phân bón ure tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Củng cố, hoàn thiện hệ thống phân phối, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và bền vững;
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ tối thiểu 42%;
- Đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cũng như lợi ích của người lao động. Phần đầu tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 là 20%.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng sản lượng tiêu thụ : 287.000 tấn (*Trong đó: 1.000 tấn hóa chất*)
- Doanh thu : 2.515,73 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 41,74 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 31,30 tỷ đồng
- Nộp NSNN : 12,90 tỷ đồng

3. Các giải pháp thực hiện:

Để thực hiện kế hoạch nói trên, tập thể Lãnh đạo và CBNV Công ty cùng đồng tâm hiệp lực triển khai các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

3.1. Công tác Quản lý:

Tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, hoàn thiện các quy chế, quy định. Năm 2013, Công ty sẽ tiếp tục tập trung chấn chỉnh, quán triệt CBNV tuyệt đối tuân thủ nội quy lao động, nội quy làm việc; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi nội quy đã ban hành;

Nâng cao hơn nữa ý thức về trách nhiệm của CBNV đối với công việc được giao, làm việc tích cực, chủ động, sáng tạo và tự giác với tinh thần “hết việc chứ không hết giờ”;

Đẩy mạnh triển khai văn hóa PVFCCo tại Công ty, tạo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, văn minh;

Người lao động được tạo điều kiện thuận lợi để làm việc, được phát huy tốt nhất năng lực và được thực hiện đầy đủ quyền lợi hợp pháp;

Khai thác hiệu quả hệ thống ERP trong hoạt động Công ty.

3.2. Công tác Kinh doanh:

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế tiêu thụ sản phẩm, chính sách bán hàng của Công ty phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo hài hòa quyền lợi của Công ty với hệ thống phân phối cũng như người tiêu dùng;

Hoàn thiện hệ thống kho bãi và không ngừng nâng cao công tác quản lý, chất lượng dịch vụ hậu cần tại các khu vực. Nhanh chóng hoàn thiện và triển khai áp dụng phương án Logictis vào hoạt động kinh doanh của Công ty với phương châm **“An toàn – Kịp thời – Hiệu quả”**;

Chú trọng hơn nữa công tác trao đổi thông tin hai chiều giữa Công ty với hệ thống. Tăng cường cán bộ thị trường tại các khu vực nhằm hỗ trợ hệ thống trong công tác bán hàng và tư vấn sử dụng sản phẩm hiệu quả;

Tiếp tục xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng tháng, quý, năm để kịp thời đáp ứng nhu cầu mùa vụ và chiến lược kinh doanh. Ngoài các sản phẩm chính của Tổng Công ty, Công ty tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm tự doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm để tăng doanh thu, thị phần và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh;

Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ kinh doanh, cán bộ thị trường và tăng cường đào tạo các kỹ năng quản lý, bán hàng cho cán bộ kinh doanh của Công ty cũng như hệ thống đại lý/cửa hàng;

Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu, phân tích thị trường phân bón, hóa chất thế giới và trong nước để điều hành sản xuất kinh doanh theo sát sự biến động của thị trường nhằm điều chỉnh khối lượng tồn kho hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

3.3. Công tác Tài chính:

Tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ. Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư;

Thường xuyên theo dõi định mức hàng tồn kho, công nợ phải thu nhằm giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh;

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về định mức để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với tình hình thực tế;

Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty trên cơ sở chương trình hành động và các chỉ tiêu cụ thể.

3.4. Công tác Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị:

Tập trung triển khai các dự án đã được phê duyệt; Xem xét thứ tự ưu tiên thực hiện dự án đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả nhất;

Thực hiện mua sắm thông qua các hình thức đấu thầu cũng như chỉ định thầu một cách hợp lý, phù hợp theo quy định của pháp luật, quy trình mua sắm nội bộ nhằm tăng tính cạnh tranh và tiết kiệm chi phí cho Công ty;

Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao kinh nghiệm, trình độ đảm bảo thực hiện đúng quy định, tiến độ trong công tác đầu tư xây dựng và mua sắm;

Đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án đã triển khai.

3.5. Các công tác khác:

Tăng cường sử dụng các dịch vụ trong ngành phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty;

Tiếp tục việc triển khai và áp dụng phần mềm quản lý nguồn lực doanh nghiệp (ERP) đến các phòng, chi nhánh, đơn vị trực thuộc. Thường xuyên đào tạo nâng cao khả năng sử dụng hệ thống ERP cho CBNV Công ty;

Liên kết với các Viện, trường Đại học về nông học để có chương trình hỗ trợ, hướng dẫn người tiêu dùng và bà con nông dân trong việc sử dụng phân bón có hiệu quả;

Xây dựng kế hoạch, tích cực tham gia hoạt động cộng đồng và công tác ASXH.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Cao Trung Kiên

PHẦN III

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Đánh giá chung tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012

Trong năm qua, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, sự biến đổi khí hậu, sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ đã làm ảnh hưởng xấu đến thị trường kinh doanh phân bón và trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng được sự quan tâm, hỗ trợ, phối hợp của khách hàng, đối tác và với sự đoàn kết, quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, cùng toàn thể CBNV, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản của Đại hội đồng cổ đông năm 2012.

Để đạt được kết quả nêu trên, Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể trong từng thành viên và thường xuyên họp định kỳ để đưa ra những định hướng cho Ban điều hành thực thi công việc. Trong công tác quản lý và điều hành luôn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc, quyết định các công việc công khai và luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật.

Qua kết quả năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Trung nhận thấy đã hoạt động theo đúng các quy định của Pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao cho, thông qua những kết quả nổi bật như sau:

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu năm 2012, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 53,27 tỷ đồng đạt 126,82% kế hoạch, tăng 26,94% so với năm 2011;
- Công ty đã nghiên cứu và đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới - phân bón tổng hợp NPK Phú Mỹ 16-7-17+Bo+Te nhằm đa dạng hoá sản phẩm kinh doanh, bước đầu đã mang lại kết quả khả quan;
- Hoàn thành việc đầu tư kho tại Đaklak bổ sung sức chứa, tạo nên sức mạnh cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ cho thị trường trọng điểm;
- Công tác quản lý hàng hoá, công tác an toàn vệ sinh, vận hành hệ thống ERP, hệ thống quản lý chất lượng ISO đã dần ổn định và phát huy hiệu quả;
- Ngoài ra, Công ty tích cực tham gia các công tác an sinh xã hội, các hoạt động cộng đồng nhằm duy trì hình ảnh thương hiệu sản phẩm và nâng cao uy tín của Công ty.

Tiếp nối thành công trong những năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, cùng toàn thể CBNV Công ty sẽ tiếp tục phát huy sự đoàn kết, thống nhất cao, khắc phục những khó khăn để hướng tới sự thành công cho năm 2013.

II. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên đã được ĐHĐCĐ Công ty bầu ra tại ĐHĐCĐ ngày 30/12/2010.

1. Về các phiên họp HĐQT:

Trong năm 2012, HĐQT đã làm việc thông qua các cuộc họp định kỳ và bất thường, đã quyết định những nội dung quan trọng cụ thể sau đây:

- Thông qua kế hoạch hoạt động của HĐQT Công ty năm 2012;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2012;
- Điều chỉnh bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh;
- Điều chỉnh hệ thống thang bảng lương của Công ty;
- Thông qua việc đăng ký công ty đại chúng;
- Thông qua phương án trích lập quỹ thưởng và phương án phân phối quỹ thưởng Ban QLĐH Công ty;
- Sửa đổi, ban hành quy chế trả lương, thưởng và quy chế đào tạo của Công ty;
- Thông qua chủ trương chi tạm ứng cổ tức năm 2012;
- Ban hành quy chế đại lý/ cửa hàng tiêu thụ sản phẩm phân bón của Công ty;
- Chấp thuận điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012 của Công ty;
- Thông qua chủ trương đầu tư kho tại Quảng Trị;
- Thực hiện các hoạt động giám sát, chỉ đạo khác cho Ban Điều hành trong tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Về công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành.

Hội đồng quản trị của Công ty gồm Chủ tịch và 4 thành viên đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Công ty:

- Thực hiện triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ kinh doanh;
- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Tham gia và có ý kiến chỉ đạo về các vấn đề cơ cấu tổ chức, xây dựng kế hoạch;
- Thường xuyên theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành;
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

HĐQT làm việc trên tinh thần tập trung, quyết định theo số đông và có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên.

3. Về công tác chuẩn bị niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty, ĐHĐCĐ đã nhất trí ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thời gian và sàn giao dịch chứng khoán để thực hiện các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Trong đó xem xét ưu tiên niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX).

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo thực hiện và hoàn thiện hồ sơ để sẵn sàng để đăng ký niêm yết ngay khi thị trường thuận lợi. Ngày 24/5/2012, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng.

Tuy nhiên, trong năm 2012, tình hình thị trường chứng khoán không được thuận lợi. Thêm vào đó, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2012 đã thay đổi một số điều kiện niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty chưa đáp ứng được điều kiện quy định để có thể niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và sàn giao dịch chứng khoán để thực hiện các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

4. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013

Nhằm thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch năm 2013, HĐQT xác định nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với những nội dung, chương trình hoạt động như sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2013 do ĐHĐCĐ thông qua;
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro. Tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện rà soát, bổ sung, kiện toàn hệ thống quy chế quản lý, quy định, định mức chi phí..., kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự, đảm bảo tối ưu hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2025;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm;
- Chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ, tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tổ chức công việc của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả điều hành của Ban Điều hành;
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ đảm bảo ít nhất mỗi quý họp 1 lần;
- Tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc, vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Hòa

PHẦN IV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012
VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013

I. BÁO TÀI CHÍNH:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Cao Trung Kiên	Thành viên
Ông Mai Minh Phương	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luận	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc
Ông Mai Minh Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.

Cao Trung Kiên
Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013, từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 02 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		168,806,748,737	158,283,502,529
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	59,518,116,234	75,750,967,116
1. Tiền	111		21,518,116,234	1,450,967,116
2. Các khoản tương đương tiền	112		38,000,000,000	74,300,000,000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77,731,675,812	72,722,367,623
1. Phải thu khách hàng	131		6,211,500,771	48,242,284,655
2. Trả trước cho người bán	132		70,829,980,000	8,136,823,341
3. Các khoản phải thu khác	135	5	690,195,041	16,343,259,627
III. Hàng tồn kho	140	6	29,726,768,718	9,595,335,817
1. Hàng tồn kho	141		32,698,827,046	9,595,335,817
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,972,058,328)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,830,187,973	214,831,973
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99,774,500	210,725,034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,235,760,533	4,106,939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		494,652,940	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		71,633,602,320	60,655,496,537
I. Tài sản cố định	220		65,270,680,916	53,377,620,996
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	43,417,445,895	39,859,542,869
- Nguyên giá	222		64,687,374,070	55,363,546,431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21,269,928,175)	(15,504,003,562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	21,822,235,021	13,481,175,075
- Nguyên giá	228		21,904,819,239	13,539,002,668
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82,584,218)	(57,827,593)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		31,000,000	36,903,052
II. Tài sản dài hạn khác	260		6,362,921,404	7,277,875,541
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6,359,921,404	7,274,875,541
2. Tài sản dài hạn khác	268		3,000,000	3,000,000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		240,440,351,057	218,938,999,066

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		101,734,971,061	102,106,142,415
I. Nợ ngắn hạn	310		101,734,971,061	102,020,426,415
1. Phải trả người bán	312		3,663,211,358	76,974,541,349
2. Người mua trả tiền trước	313		86,574,823,204	1,876,324,854
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	420,190,820	10,706,386,312
4. Phải trả người lao động	315		3,009,894,779	2,212,661,994
5. Chi phí phải trả	316		-	6,307,223,510
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		77,209,446	243,150,186
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7,989,641,454	3,700,138,210
II. Nợ dài hạn	330		-	85,716,000
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	85,716,000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		138,705,379,996	116,832,856,651
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	138,705,379,996	116,832,856,651
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	23,366
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		9,064,298,037	4,699,358,744
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,315,375,475	3,132,905,829
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24,325,706,484	9,000,568,712
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		240,440,351,057	218,938,999,066

Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	2,468,822,428,179	2,211,987,455,710
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12	27,842,416,244	14,867,163,230
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	12	2,440,980,011,935	2,197,120,292,480
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	12	2,347,980,403,185	2,126,497,796,242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		92,999,608,750	70,622,496,238
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,428,806,800	5,777,893,743
7. Chi phí tài chính	22		41,886	2,076,506,360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2,076,506,360
8. Chi phí bán hàng	24		20,399,465,731	14,305,262,006
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22,851,448,242	18,135,314,332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		53,177,459,691	41,883,307,283
11. Thu nhập khác	31		90,816,000	952,049,153
12. Chi phí khác	32		-	874,627,573
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		90,816,000	77,421,580
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		53,268,275,691	41,960,728,863
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	9,618,882,764	10,631,670,570
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		43,649,392,927	31,329,058,293
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4,365	3,355

Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53,268,275,691	41,960,728,863
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5,868,343,238	5,669,768,326
Các khoản dự phòng	03	2,972,058,328	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04 05	41,886 (3,433,906,800)	- (5,777,893,743)
Chi phí lãi vay	06	-	2,076,506,360
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58,674,812,343	43,929,109,806
Thay đổi các khoản phải thu	09	(12,779,308,189)	18,242,870,422
Thay đổi hàng tồn kho	10	(23,103,491,229)	(8,824,839,892)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3,961,465,893)	11,547,410,854
Thay đổi chi phí trả trước	12	(205,772,289)	217,976,998
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2,076,506,360)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10,795,762,393)	(14,439,157,433)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,171,000,000	2,097,019,539
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5,643,844,988)	(3,784,359,039)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4,356,167,362	46,909,524,895
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9,861,403,158)	(16,260,922,189)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5,100,000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,298,806,800	5,777,893,743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6,557,496,358)	(10,483,028,446)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20,000,000,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	121,160,000,000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(121,160,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14,031,480,000)	(9,927,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14,031,480,000)	10,072,400,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(16,232,808,996)	46,498,896,449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	75,750,967,116	29,252,047,301
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(41,886)	23,366
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	59,518,116,234	75,750,967,116

Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Đăk Lăk và Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 48 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Công ty thuê 20.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	59,877,051	162,466,021
Tiền gửi ngân hàng	21,458,239,183	1,288,501,095
Các khoản tương đương tiền	38,000,000,000	74,300,000,000
	<u>59,518,116,234</u>	<u>75,750,967,116</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 9%/năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chiết khấu mua hàng Quý 4/2011 phải thu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	-	6,249,231,572
Chi hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	435,299,732	214,299,732
Thuế giá trị gia tăng được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế tỉnh Bình Định	-	9,839,703,682
Phải thu khác	254,895,309	40,024,641
	<u>690,195,041</u>	<u>16,343,259,627</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	750,000	53,997,500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	66,930,908
Hàng hóa	32,698,077,046	9,474,407,409
Cộng	<u>32,698,827,046</u>	<u>9,595,335,817</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,972,058,328)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>29,726,768,718</u>	<u>9,595,335,817</u>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.972.058.328 đồng.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	51,281,332,619	500,589,321	1,009,002,060	2,572,622,431	55,363,546,431
Mua trong năm	7,641,666,225	-	1,391,890,911	347,932,503	9,381,489,639
Thanh lý	-	-	-	(57,662,000)	(57,662,000)
Tại ngày 31/12/2012	58,922,998,844	500,589,321	2,400,892,971	2,862,892,934	64,687,374,070
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	14,067,516,640	54,662,823	296,350,200	1,085,473,899	15,504,003,562
Khấu hao trong năm	4,698,754,187	125,175,124	285,842,815	713,814,487	5,823,586,613
Thanh lý	-	-	-	(57,662,000)	(57,662,000)
Tại ngày 31/12/2012	18,766,270,827	179,837,947	582,193,015	1,741,626,386	21,269,928,175
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	40,156,728,017	320,751,374	1,818,699,956	1,121,266,548	43,417,445,895
Tại ngày 31/12/2011	37,213,815,979	445,926,498	712,651,860	1,487,148,532	39,859,542,869

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.158.773.073 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 311.452.048 đồng).

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	13,519,002,668	20,000,000	13,539,002,668
Mua trong năm	8,385,816,571	-	8,385,816,571
Thanh lý	-	(20,000,000)	(20,000,000)
Tại ngày 31/12/2012	21,904,819,239	-	21,904,819,239
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	37,827,593	20,000,000	57,827,593
Khấu hao trong năm	44,756,625	-	44,756,625
Thanh lý	-	(20,000,000)	(20,000,000)
Tại ngày 31/12/2012	82,584,218	-	82,584,218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	21,822,235,021	-	21,822,235,021
Tại ngày 31/12/2011	13,481,175,075	-	13,481,175,075

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5,945,813,969	6,098,825,828
Chi phí trả trước dài hạn khác	414,107,435	1,176,049,713
	6,359,921,404	7,274,875,541

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11,964,259	9,860,463,431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	667,728,705
Thuế thu nhập cá nhân	408,226,561	178,194,176
	<u>420,190,820</u>	<u>10,706,386,312</u>

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Chênh lệch</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Quỹ dự phòng</u>	<u>Lợi nhuận</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	tỷ giá hối đoái	phát triển	tài chính	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2011	-	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	80,000,000,000	-	-	-	-	80,000,000,000
Tăng vốn trong năm	20,000,000,000	-	-	-	-	20,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	31,329,058,293	31,329,058,293
Trích lập quỹ	-	-	4,699,358,744	3,132,905,829	(12,328,489,581)	(4,496,225,008)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(10,000,000,000)	(10,000,000,000)
Tăng khác	-	23,366	-	-	-	23,366
Số dư tại 01/01/2012	<u>100,000,000,000</u>	<u>23,366</u>	<u>4,699,358,744</u>	<u>3,132,905,829</u>	<u>9,000,568,712</u>	<u>116,832,856,651</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	43,649,392,927	43,649,392,927
Trích lập quỹ (1)	-	-	4,364,939,293	2,182,469,646	(14,309,757,171)	(7,762,348,232)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	(14,000,000,000)	(14,000,000,000)
(Giảm) khác	-	(23,366)	-	-	(14,497,984)	(14,521,350)
Số dư tại 31/12/2012	<u>100,000,000,000</u>	<u>-</u>	<u>9,064,298,037</u>	<u>5,315,375,475</u>	<u>24,325,706,484</u>	<u>138,705,379,996</u>

(1) Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 được Hội đồng quản trị Tổng Công ty thông qua tại Nghị quyết số 341/NQ-PBHC ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính và Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 4.364.939.293 đồng, 2.182.469.646 đồng và 7.762.348.232 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(2) Theo Nghị quyết số 108/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức được phê duyệt năm 2011 là 17.000.000.000 đồng (1.700 đồng/cổ phần), trong đó số đã tạm ứng năm 2011 là 10.000.000.000 đồng và số chi trả trong năm 2012 là 7.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền 7.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>(%)</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	75.0%	75,000,000,000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4.9%	4,900,000,000
Công ty TNHH Minh Tân	3.0%	3,000,000,000
Các cổ đông khác	17.1%	17,100,000,000
	100%	100,000,000,000

12. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

Doanh thu - Giá vốn trong năm theo từng loại hình kinh doanh của Công ty như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu phân bón	2,433,647,274,505	2,182,618,579,589
Doanh thu hóa chất	19,154,042,497	11,163,501,941
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16,021,111,177	18,205,374,180
	2,468,822,428,179	2,211,987,455,710
Chiết khấu thương mại	25,069,082,914	14,867,163,230
Giảm giá hàng bán	2,773,333,330	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,440,980,011,935	2,197,120,292,480

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn phân bón	2,314,560,113,704	2,098,077,912,661
Giá vốn hóa chất	18,166,786,212	10,803,619,366
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15,253,503,269	17,616,264,215
	2,347,980,403,185	2,126,497,796,242

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh Miền Trung.

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	15,689,980,786	12,823,817,617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,868,343,238	5,669,768,326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,830,344,306	10,692,119,890
Chi phí khác	7,593,478,992	2,366,074,454
	<u>44,982,147,322</u>	<u>31,551,780,287</u>

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	53,268,275,691	41,960,728,863
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	227,298,000	565,953,416
Thu nhập chịu thuế	53,495,573,691	42,526,682,279
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13,373,893,423	10,631,670,570
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (i)	3,755,010,659	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9,618,882,764	10,631,670,570

(i) Theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 100 người. Số thuế được giảm được xác định trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty với số tiền là 3.755.010.659 đồng.

15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152,783,228	153,190,241

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m² tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m²/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	59,518,116,234	75,750,967,116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6,901,695,812	64,585,544,282
Tổng cộng	66,419,812,046	140,336,511,398
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	3,704,380,563	77,079,004,878
Chi phí phải trả	-	6,307,223,510
Tổng cộng	3,704,380,563	83,386,228,388

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59,518,116,234	-	59,518,116,234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6,901,695,812	-	6,901,695,812
Tổng cộng	66,419,812,046	-	66,419,812,046
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	3,704,380,563	-	3,704,380,563
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	3,704,380,563	-	3,704,380,563
Chênh lệch thanh khoản thuần	62,715,431,483	-	62,715,431,483
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	75,750,967,116	-	75,750,967,116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64,585,544,282	-	64,585,544,282
Tổng cộng	140,336,511,398	-	140,336,511,398
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	77,079,004,878	-	77,079,004,878
Chi phí phải trả	6,307,223,510	-	6,307,223,510
Tổng cộng	83,386,228,388	-	83,386,228,388
Chênh lệch thanh khoản thuần	56,950,283,010	-	56,950,283,010

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	14,857,142,857
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	45,638,903,973	59,614,561,804
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	30,580,997,623	25,117,071,423
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	11,522,399,791	4,588,622,259
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	251,226,256	1,604,061,500
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Chi nhánh Miền Trung	1,768,309,524	6,966,666,674
Cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14,513,263,531	17,657,157,333
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	31,881,900
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1,930,418,826,679	1,501,701,373,585
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	67,513,514,286
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	17,171,676,429	29,982,143,793
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	110,289,499,848	181,200,548,303
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	62,871,500	-
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	7,206,262,707	5,770,000,000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1,049,018,222	1,717,860,224
Mua tài sản		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	2,503,524,245

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	3,150,020,876	2,662,006,885

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4,893,644,410	3,621,633,055
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1,297,635,200	1,197,198,732
Trả trước cho nhà cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	70,508,000,000	236,823,341
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	435,299,732	6,463,531,304
Phải trả		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	51,986,000	137,693,833
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	758,461,000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	75,421,304,166
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	2,905,350,225	121,753,572
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	3,860,365,429	140,991,448

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013

Căn cứ quy định tại Điều 14 của Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013, với nội dung như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận 2012:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Phân phối lợi nhuận năm 2012 (VND)
1.	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 chuyển sang		9.000.568.712
2.	Lợi nhuận sau thuế năm 2012 dùng để phân phối		43.649.392.927
2.1	<i>Trong đó: LNST vượt so với KH</i>		12.149.392.927
3.	Trích lập các quỹ từ LNST 2012	$(3=3.1+3.2+3.3)$	14.309.757.171
3.1.	Trích quỹ dự phòng tài chính	$(3.1=2*5\%)$	2.182.469.646
3.2.	Trích quỹ đầu tư phát triển	$(3.2=2*10\%)$	4.364.939.293
3.3.	Trích quỹ Khen thưởng, quỹ Phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành Công ty	$(3.3=2*15\%+2.1*10\%)$	7.762.348.232
3.3.1	Quỹ phúc lợi	$(3.3.1=2*15\%*35\%)$	2.291.593.129
3.3.2	Quỹ khen thưởng (Bao gồm cả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành)	$(3.3.2=2*15\%*65\%)$	4.255.815.810
3.3.3	Quỹ khen thưởng (Bao gồm cả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành) trích vượt KH	$(3.3.3=2.1*10\%)$	1.214.939.293
4.	Lợi nhuận năm 2012 sau khi trích lập các quỹ	$(4=2-3)$	29.339.635.756
5.	Tổng lợi nhuận năm 2011 và 2012 dành chia cổ tức	$(5=1+4)$	38.340.204.468
6.	Chia cổ tức (bằng tiền mặt)	$(6=10tr*10.000*17\%)$	17.000.000.000
	<i>Cổ tức trên mỗi CP (VNĐ/CP)</i>		1.700
7.	Lợi nhuận chuyển sang năm 2013	$(7=5-6)$	21.340.204.468

Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 trong năm 2012 là 7%/mệnh giá cổ phần. Nếu Phương án được thông qua, Công ty sẽ chi tiếp cổ tức bằng tiền là 10%/mệnh giá ngay sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2013:

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến: 20%/mệnh giá cổ phần.
- Lợi nhuận sau thuế (LNST) còn lại trích lập các quỹ như sau:
 - ✓ Quỹ dự phòng tài chính: 5% của LNST;
 - ✓ Quỹ đầu tư phát triển: 0% của LNST;
 - ✓ Quỹ khen thưởng phúc lợi: 15% của LNST.
- Trường hợp lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch được giao, cho phép Công ty được trích bổ sung thêm Quỹ khen thưởng với mức tối đa là 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Hòa

PHẦN V
BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

I. BÁO CÁO THỰC HIỆN NĂM 2012:

I. BÁO CÁO THỰC HIỆN NĂM 2012									<i>Đvt: đồng</i>
Stt	Chức danh	Tiền lương, lương bổ sung	Phụ cấp kiêm nhiệm (Thù lao)	Thưởng từ Quỹ khen thưởng		Thưởng từ Quỹ Phúc lợi	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng	Ghi chú
				Thưởng chung	Thưởng Ban QLDH				
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2,047,919,637	246,000,000	538,210,100	690,560,579	75,533,333	93,156,453	3,691,380,102	
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	0	54,000,000		172,640,145	0	5,454,545	232,094,690	
2	UV HĐQT kiêm Giám đốc	745,134,776	48,000,000	206,881,741	172,640,145	24,733,333	29,778,600	1,227,168,595	
3	UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	683,988,648	48,000,000	175,590,819	115,093,430	25,400,000	32,995,816	1,081,068,713	
4	UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	618,796,213	48,000,000	155,737,540	115,093,430	25,400,000	24,927,491	987,954,674	
5	UV HĐQT không chuyên trách		48,000,000		115,093,430	0	0	163,093,430	
II	BAN KIỂM SOÁT	0	114,000,000	0	207,168,174	0	12,059,993	333,228,167	
1	Trưởng Ban Kiểm soát		42,000,000		138,112,116	0	12,059,993	192,172,109	
2	Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000		34,528,029	0	0	70,528,029	
3	Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000		34,528,029	0	0	70,528,029	
CỘNG		2,047,919,637	360,000,000		897,728,752	0		4,024,608,268	

II. KẾ HOẠCH NĂM 2013:

II. KẾ HOẠCH NĂM 2013:									<i>Đvt: đồng</i>
Stt	Chức danh	Tiền lương, lương bổ sung	Phụ cấp kiêm nhiệm (Thù lao)	Thưởng từ Quỹ khen thưởng		Thưởng từ Quỹ Phúc lợi	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng	Ghi chú
				Thưởng chung	Thưởng Ban QLDH				
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1,736,496,000	198,000,000	578,832,000	364,102,041	81,000,000	97,789,091	3,056,219,132	
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		54,000,000		95,816,327	0	5,454,545	155,270,872	
2	UV HĐQT kiêm Giám đốc	650,628,000	0	216,876,000	95,816,327	27,000,000	32,705,455	1,023,025,781	
3	UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	568,044,000	48,000,000	189,348,000	57,489,796	27,000,000	27,250,909	917,132,705	
4	UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	517,824,000	48,000,000	172,608,000	57,489,796	27,000,000	32,378,182	855,299,978	
5	UV HĐQT không chuyên trách		48,000,000		57,489,796	0	0	105,489,796	
II	BAN KIỂM SOÁT	0	102,000,000	0	105,397,959	0	19,090,909	226,488,868	
1	Trưởng Ban Kiểm soát		42,000,000		47,908,163	0	19,090,909	108,999,072	
2	Thành viên Ban kiểm soát		30,000,000		28,744,898	0	0	58,744,898	
3	Thành viên Ban kiểm soát		30,000,000		28,744,898	0	0	58,744,898	
CỘNG		1,736,496,000	300,000,000	578,832,000	469,500,000	81,000,000		3,282,708,000	

Ghi chú: Tiền lương, phụ cấp kiêm nhiệm và thưởng Ban quản lý điều hành được tính theo nguồn Quỹ của năm tài chính.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Hòa

PHẦN VI

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung gồm 3 thành viên kiêm nhiệm do Đại hội đồng cổ đông năm 2011 bầu ra và theo nghị quyết số 422/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/8/2012 về việc thay đổi nhân sự Ban Kiểm soát có hiệu lực từ 01/9/2012 với nhiệm kỳ 5 năm.

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 30/12/2010 và được sửa đổi bổ sung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/3/2012.

Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động năm 2013 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2012

Năm 2012, các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện theo kế hoạch với các nội dung chủ yếu:

- Kiểm tra giám sát việc thực thi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát công tác quản lý, tổ chức điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty;
- Tham gia các cuộc họp triển khai hoạt động kinh doanh;
- Kiểm soát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động kinh doanh;
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm; Báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo công tác quản lý hàng tháng;
- Kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng Công ty, thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty

Thực hiện kế hoạch năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 19/3/2012.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2012	TH năm 2012	TH/KH
1. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	283.804	276.219	97,3 %
- Ure Phú Mỹ	Tấn	220.000	211.039	95,9 %
- Các loại phân bón khác	Tấn	63.004	64.072	102,7 %
- Hóa chất	Tấn	800	1.108	138,5%
2. Các chỉ tiêu tài chính				
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.535,41	2.444,50	96,4 %
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	42,00	53,27	126,8%
- Lợi nhuận sau thuế TN DN	Tỷ đồng	31,50	43,65	138,6%

III. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty:

Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám đốc Công ty đã phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012. Hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

Trong quá trình thực hiện chức năng - nhiệm vụ theo luật định, Ban Kiểm soát nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng, đơn vị trực thuộc; được cung cấp tài liệu, số liệu và các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết..

Kiến nghị:

Trong năm 2012, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch. Để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và thực hiện tốt chiến lược phát triển của Công ty, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất sản phẩm mới nhằm tận dụng được các lợi thế cạnh tranh hiện có và phù hợp với chiến lược phát triển;
- Xây dựng chính sách hỗ trợ bán hàng cho khách hàng để tăng tính trách nhiệm và sự gắn kết với khách hàng;
- Làm việc với Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí để chủ động nguồn hàng trong năm đặc biệt vào thời điểm mùa vụ để cung cấp hàng kịp thời nhằm giữ khách hàng và thị trường;
- Rà soát, đánh giá công tác đầu tư xây dựng cho sát với thực tế, đảm bảo đầu tư hiệu quả;
- Hoàn tất các thủ tục để niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán ngay khi có điều kiện và thị trường thuận lợi;
- Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty rà soát, sửa đổi và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013 và Điều lệ của Công ty;
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính; Các báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và Giám đốc;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định quản lý hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

V. Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013

Xét năng lực, kinh nghiệm, uy tín và để phù hợp trong việc hợp nhất Báo cáo tài chính toàn ngành và Tổng Công ty, Ban Kiểm soát Công ty kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty lựa chọn một trong ba đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty: (1) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, (2) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, (3) Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam. Mức phí sẽ theo báo giá từng đợt kiểm toán theo yêu cầu của Công ty và Ban Kiểm soát thẩm tra.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Kim Anh

PHẦN VII
TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng;

Nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty và đáp ứng quy định theo Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng quy định tại thông tư này, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung kính trình ĐHCĐ phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ Công ty như sau:

Điều khoản	Theo điều lệ hiện tại của Công ty	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 121
Phần mở đầu	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung thông qua lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2010 và được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.</p> <p>Điều lệ này sẽ chi phối và điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ sửa đổi này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung tổ chức họp chính thức vào ngày 02 tháng 4 năm 2013.</p>
Sửa đổi Mục a và c Khoản 1 Điều 1	<p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;</p> <p>d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p>
Sửa đổi Điều 4	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông

		qua.
Sửa đổi Điều 6	Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu <i>Sửa tên điều 6 và sửa các cụm từ “chứng chỉ cổ phiếu” trong điều 6 thành “chứng nhận cổ phiếu”</i>
Sửa đổi Khoản 2 Điều 8	1. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	1. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.
Sửa đổi Khoản 4 Điều 9	4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
Sửa đổi Điều 10	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Giám đốc; d. Ban Kiểm soát.	Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ban Kiểm soát d. Giám đốc.
Sửa đổi Mục a, b, e Khoản 2, Điều 11	a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; b. Nhận cổ tức; e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
Sửa đổi Mục b,	b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ

Khoản 3, Điều 11	luật;	đồng theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
Bổ sung Khoản 2, Điều 12		2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
Sửa đổi Mục b, f Khoản 3 Điều 13	b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
Sửa đổi mục d Khoản 1 Điều 14	d. Chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.	d.. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
Sửa đổi Mục e, khoản 2 Điều 14	e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;	e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
Sửa đổi Mục b, Khoản 3, Điều 14	b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.	b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
Sửa đổi Mục c, khoản 4, Điều 15	c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
Sửa đổi Khoản 1 và 2 Điều 16	Điều 16. Thay đổi các quyền 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp	Điều 16. Thay đổi các quyền <i>Sửa đổi và gộp 2 khoản 1 và 2 thành 1 khoản như sau:</i>

	<p>quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>
<p>Sửa đổi điểm a, khoản 2, Điều 17</p>	<p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty;</p>	<p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>
<p>Sửa đổi Khoản 3, Điều 17</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang</p>

	<p>báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>
<p>Bỏ Khoản 4 Điều 18</p>	<p>4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.</p>	
<p>Sửa đổi Điều 19</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trước khi tổ chức cuộc họp vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của

	<p>người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p> <p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp</p>	<p>ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp họp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ</p>
--	--	---

	<p>lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6, Điều 19 Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p> <p>9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>
--	---	--

	<p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>Sửa đổi và gộp 2 khoản: Khoản 2 và 3 Điều 20</p>	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Những nội dung thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>

	được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.	
Sửa đổi Khoản 2, Điều 21	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
Sửa đổi Khoản 6, Điều 21	6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
Sửa đổi Điều 22	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
Sửa đổi Khoản 1 Điều 24	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số

	viên Hội đồng quản trị.	lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
Sửa đổi khoản 2 Điều 24	2. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
Sửa Mục e khoản 4 Điều 24	e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
Sửa đổi khoản 5, Điều 24	5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
Sửa đổi khoản 6 Điều 24	6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

<p>Sửa đổi Mục h và l, Khoản 3, Điều 25</p>	<p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p>	<p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; <i>Bổ sung thêm mục l tại khoản 3:</i> 1. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty;</p>
<p>Sửa đổi Khoản 8, Điều 25</p>	<p>8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị [và số tiền thù lao cho từng thành viên] phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>
<p>Sửa đổi Khoản 2, Điều 26</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>Sửa đổi Khoản 2 và 3 Điều 27</p>	<p>3. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. 4. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản</p>	<p>2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra Chủ tịch Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính</p>

	<p>trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; Hai thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đa số thành viên Ban Kiểm soát. 	<p>đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát.
Sửa đổi Khoản 9, Điều 27	<p>9. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p>	<p>9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>
Sửa đổi Khoản 11, Điều 27	<p>11. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	<p>11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>
Sửa đổi Khoản 14, Điều 27	<p>14. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội 	<p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp</p>

	<p>đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p>	<p>được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>
<p>Sửa đổi Khoản 2 Điều 30</p>	<p>2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc là [ba] năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p>	<p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>
<p>Sửa đổi Mục h, Khoản 3 Điều 30</p>	<p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p>	<p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p>
<p>Sửa đổi khoản 5, Điều 30</p>	<p>5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ</p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.</p>

	đồng tiếp theo gần nhất.	
Bổ sung khoản 5 Điều 31		Bổ sung Khoản 5, Điều 31 như sau: 5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
Đổi thứ tự giữa Chương IX và Chương X	IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ (với điều 32, 33 và 34) X. BAN KIỂM SOÁT (với điều 35 và 36)	IX. BAN KIỂM SOÁT (với điều 32 và 33) X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ (với điều 34, 35 và 36)
Sửa đổi Khoản 1 và 2 Điều 35	Điều 35. Thành viên Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát; b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. 2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được	Điều 32. Thành viên Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát; b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. 2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu

	<p>đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>
<p>Bổ sung khoản 3 Điều 35</p>		<p>Bổ sung khoản 3 điều 32</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>
<p>Sửa số thứ tự Điều 36 thành Điều 33</p>	<p>Điều 36. Ban Kiểm soát</p>	<p>Điều 33. Ban Kiểm soát <i>(Nội dung không thay đổi)</i></p>
<p>Sửa đổi Điều 32</p>	<p>Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>
<p>Sửa đổi Khoản 1,2, 3, 4 Điều 33</p>	<p>Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không</p>	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá</p>

	<p>được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>4c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p>	<p>nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. ...<i>(không đối)</i>...</p> <p>b. ...<i>(không đối)</i>...</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>
--	--	---

	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>	
<p>Sửa đổi Điều 34</p>	<p>Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không 	<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không

	<p>có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>
Sửa đổi Khoản 4, Điều 37	<p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</p>
Sửa đổi Điều 39	<p>Điều 39. Cổ tức</p> <p>1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả</p>	<p>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về</p>

	<p>bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p>khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>
--	--	---

Bỏ Điều 40	Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	
Sửa Điều 41	Sửa Điều 41 thành Điều 40	Điều 40. Tài khoản ngân hàng <i>(nội dung không đổi)</i>
Bỏ Điều 42	Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.	
Sửa đổi tên Điều 43	Điều 43. Năm tài khóa	Điều 41. Năm tài chính Sửa tên điều 41 và sửa các cụm từ “năm tài khóa” thành “năm tài chính”
Sửa đổi tên Điều 44	Điều 44. Hệ thống kế toán	Điều 42. Chế độ kế toán Sửa tên điều 42 và sửa các cụm từ “ Hệ thống kế toán ” thành “ Chế độ kế toán ”
Sửa đổi Khoản 4, Điều 45	Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.	Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
Sửa đổi Điều 46	Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ	Điều 44. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

	quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	
Sửa đổi Điều 47 và Khoản 1 Điều 47	Điều 47. Kiểm toán 1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. [Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].	Điều 45. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
Sửa Điều 48	Điều 48. Con dấu	Điều 46. Con dấu <i>(Nội dung không đổi)</i>
Sửa Điều 49	Điều 49. Chấm dứt hoạt động	Điều 47. Chấm dứt hoạt động <i>(Nội dung không đổi)</i>
Bỏ Điều 50	Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	
Sửa Điều 51	Điều 51. Điều chỉnh thời gian hoạt động	Điều 48. Điều chỉnh thời gian hoạt động <i>(Nội dung không đổi)</i>
Sửa Điều 52	Điều 52. Thanh lý	Điều 49. Thanh lý <i>(Nội dung không đổi)</i>
Sửa Điều 53	Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ <i>(Nội dung không đổi)</i>
Sửa Điều 54	Điều 54. Bổ sung sửa đổi Điều lệ	Điều 51. Bổ sung sửa đổi Điều lệ <i>(Nội dung không đổi)</i>

<p>Sửa đổi Điều 55 và Khoản 1 Điều 55</p>	<p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại các kỳ họp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung thông qua lần đầu ngày 30/12/2010 tại Văn phòng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Lô A2, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 19/3/2012 tại Khách sạn Hải Âu, số 489 An Dương Vương, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. 	<p>Điều 52. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty. <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>
<p>Sửa đổi Điều 56</p>	<p>Điều 56. Chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>Họ, tên, chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Hòa